

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN
420 NƠ TRANG LONG, P13, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM
MST : 0300105356

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP
QUÝ 4 NĂM 2016

TP. HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016	01-02
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	03
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	04
Thuyết minh báo cáo tài chính	05-31

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/07/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		846.359.765.187	693.302.913.683
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	214.323.025.813	198.279.879.091
1. Tiền	111		89.274.136.924	58.279.879.091
2. Các khoản tương đương tiền	112		125.048.888.889	140.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173.010.636.946	150.271.586.326
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	160.695.827.356	140.922.834.258
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.907.738.988	1.552.652.684
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.3)	8.230.499.212	7.796.099.384
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(823.428.610)	
III. Hàng tồn kho	140	(5.4)	455.409.116.651	340.097.784.816
1. Hàng tồn kho	141		455.409.116.651	340.097.784.816
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.616.985.777	4.653.663.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.8)	3.553.239.605	4.235.601.274
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		63.746.172	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.11)		418.062.176
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		654.077.036.729	680.083.128.829
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.195.169.542	2.059.454.542
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	(5.2)	718.490.860	748.438.860
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			125.337.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	(5.3)	1.476.678.682	1.185.678.682
II. Tài sản cố định	220		462.479.613.801	467.754.006.467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	195.540.713.037	196.763.342.849
+ Nguyên giá	222		371.723.519.694	358.495.019.641
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.182.806.657)	(161.731.676.792)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	266.938.900.764	270.990.663.618
+ Nguyên giá	228		276.887.411.433	276.887.411.433
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.948.510.669)	(5.896.747.815)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	(5.7)	26.022.049.549	16.343.953.467
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		26.022.049.549	16.343.953.467
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.9)	4.832.567.833	4.832.567.833
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.832.567.833	4.832.567.833
V. Tài sản dài hạn khác	260		158.547.636.004	189.093.146.520
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	158.547.636.004	189.093.146.520
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.500.436.801.916	1.373.386.042.512

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/07/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		635.597.849.899	500.757.526.028
I. Nợ ngắn hạn	310		615.458.612.580	477.794.759.297
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.10)	143.020.597.001	144.965.643.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		56.447.681.057	8.529.434.522
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.11)	37.410.378.904	38.722.210.524
4. Phải trả người lao động	314	(5.12)	58.979.849.265	47.265.615.698
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		705.395.054	597.470.226
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.13)	74.171.446.858	97.682.111.634
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.14)	208.684.419.804	110.499.498.093
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.15)	36.038.844.637	29.532.775.319
II. Nợ dài hạn	330		20.139.237.319	22.962.766.731
1. Phải trả người bán dài hạn	331	(5.10)	1.786.296.143	1.786.296.143
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.13)		
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.14)	18.352.941.176	21.176.470.588
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		864.838.952.017	872.628.516.484
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	864.838.952.017	872.628.516.484
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	809.143.000.000	809.143.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.695.952.017	63.485.516.484
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a			63.485.516.484
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55.695.952.017	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.500.436.801.916	1.373.386.042.512

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






ĐỖ THỊ THU THỦY

HUỲNH QUANG GIÀU

VĂN ĐỨC MƯỜI

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Lũy kế	
					Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	948.704.235.112	1.078.917.410.179	1.845.132.894.407	1.919.906.197.197
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.2)	4.407.429.026	1.922.517.456	6.275.928.293	2.799.377.584
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		944.296.806.086	1.076.994.892.723	1.838.856.966.114	1.917.106.819.613
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.3)	721.773.719.797	868.801.438.026	1.434.600.598.370	1.502.427.609.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		222.523.086.289	208.193.454.697	404.256.367.744	414.679.210.424
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.4)	2.159.824.584	4.532.502.988	3.645.047.364	10.658.457.344
7. Chi phí tài chính	22	(6.5)	4.340.214.333	5.377.776.217	7.466.299.454	8.963.463.404
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.994.110.068	3.604.300.242	4.663.246.590	5.445.101.233
8. Chi phí bán hàng	24	(6.6)	110.345.927.610	113.829.969.617	205.632.919.226	204.195.294.939
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.7)	79.015.270.100	65.589.901.707	126.161.831.248	139.369.131.830
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.981.498.830	27.928.310.144	68.640.365.180	72.809.777.595
11. Thu nhập khác	31	(6.8)	815.063.670	976.407.880	1.797.830.770	2.022.384.434
12. Chi phí khác	32	(6.9)	369.218.622	503.084.626	632.808.056	1.448.445.777
13. Lợi nhuận khác	40		445.845.048	473.323.254	1.165.022.714	573.938.657
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.427.343.878	28.401.633.398	69.805.387.894	73.383.716.252
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.10)	6.413.032.380	6.618.121.702	14.109.435.877	16.514.179.929
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.014.311.498	21.783.511.696	55.695.952.017	56.869.536.323

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐỖ THỊ THU THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỠNH QUANG GIÀU

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2017



TỔNG GIÁM ĐỐC

VĂN ĐỨC MƯỜI

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẢN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.211.234.758.514	2.189.578.306.857
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(1.936.299.890.851)	(1.974.195.558.280)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(169.537.214.413)	(156.957.898.204)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(4.765.582.364)	(4.815.492.621)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(16.693.841.371)	(15.792.352.051)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.321.693.192	264.614.761.326
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(148.391.429.839)	(326.150.969.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(58.131.507.132)	(23.719.202.000)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.616.068.306)	(54.111.181.730)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			(576.219.562)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.403.379.103	10.347.052.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.212.689.203)	(44.340.348.487)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	443.621.815.667	610.019.279.421
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(348.260.423.368)	(778.323.103.544)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		95.361.392.299	(168.303.824.123)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		16.017.195.964	(236.363.374.610)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		198.279.879.091	444.764.086.241
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		25.950.758	(5.954.922)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		214.323.025.813	208.394.756.709

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






ĐỖ THỊ THU THỦY

HUỖNH QUANG GIÀU

VĂN ĐỨC MƯỜI

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (Vissan) trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản. Ngày 01 tháng 07 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300105356, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 01 tháng 07 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.149 (30/06/2016: 3.812 nhân viên).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 809.143.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH MTV	548.298.780.000	67,76	548.298.780.000	67,76
Công ty CP Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc tế (ANCO)	201.800.260.000	24,94	113.280.020.000	14,00
Vốn góp của các cổ đông khác	59.043.960.000	7,30	147.564.200.000	18,24
Cộng	809.143.000.000	100,00	809.143.000.000	100,00

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sản xuất thực phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất, kinh doanh heo giống, heo thịt, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt;
- Kinh doanh nước trái cây;
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh ăn uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác;

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm nên nhu cầu dự trữ hàng vào các dịp lễ, tết cao hơn so với thời điểm bình thường.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Một Thành Viên thành Công ty Cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300105356, ngày 01 tháng 07 năm 2016.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- CN Vissan - Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 1;
- CN Vissan - Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 2;
- CN Vissan - Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 3;
- CN Vissan - Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 4;
- CN Vissan - Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 5;
- CN Vissan - Chi nhánh Vissan Bình Dương;
- CN Vissan - Hà Nội;
- CN Vissan - Đà Nẵng;
- CN Vissan - Xí nghiệp chế biến kinh doanh thực phẩm;
- CN Vissan - Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương;
- CN Vissan - Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận;
- CN Vissan - Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng VISSAN;

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngoài ra, Công ty có văn phòng đại diện đặt tại Số 12L Đường số 3, Phường Steung Meanchey, Thành phố Phnom Penh, Vương quốc Cambodia.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng giai đoạn tài chính khi bắt đầu thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300105356 bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam. Ngoài ra, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ (ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ) được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.5. Nợ phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

4.6. Hàng tồn kho***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ; tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định; tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng; Lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp và chi phí khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8. Tài sản cố định hữu hình***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
+ Máy móc, thiết bị	06 - 30 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

4.9. Tài sản cố định vô hình***Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất:

- 224.012 m² tại Xã Lương Bình, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, thời hạn sử dụng của lô đất là 47 năm (thời hạn sử dụng đến 30/12/2055);
- 308.280 m² tại Xã Lai Uyên, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, thời hạn sử dụng của lô đất là 20 năm (thời hạn sử dụng đến 27/02/2021);
- 139.190 m² tại Xã Tân Hiệp, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, thời hạn sử dụng của lô đất là 51 năm (thời hạn sử dụng đến 26/10/2059);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- 35.029 m² tại Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng của lô đất là 42 năm (thời hạn sử dụng đến 16/08/2050);
- 523,5 m² diện tích đất tại Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng. Đây là diện tích đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất từ tháng 02 năm 2007, thời hạn sử dụng là vô thời hạn. Nhưng đến ngày 17 tháng 11 năm 2014, Nhà nước đã cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này và có thời hạn sử dụng đến ngày 22 tháng 06 năm 2056.

Các quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của từng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian sử dụng hữu ích. Thời gian sử dụng hữu ích của phần mềm là 03 - 06 năm.

4.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.11. Đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác****Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Lương

Quý lương 06 tháng cuối năm 2016 được trích căn cứ theo:

- Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.
- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 hướng dẫn "thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước".

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối quý và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

4.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.19. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi thuế

Theo Khoản 5, Điều 11, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 bổ sung Khoản 3a, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC, Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương, Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% do có thu nhập từ chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất như sau:

+ Mặt hàng muối	Không chịu thuế
+ Thực phẩm tươi sống chưa qua chế biến: Heo bên, bò bên, gia cầm giết mổ... bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã	Không kê khai, nộp thuế
+ Mặt hàng xuất khẩu	0%
+ Thực phẩm tươi sống chưa qua chế biến: Heo bên, bò bên, gia cầm giết mổ... bán trực tiếp cho người tiêu dùng	5%
+ Thực phẩm tươi sống qua chế biến: Đồ hộp, lạp xưởng, thịt nguội, xúc xích...	10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/07/2016</u>
Tiền mặt	7.452.107.800	3.670.205.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	81.799.664.022	49.601.650.860
Tiền đang chuyển	22.365.102	5.008.023.231
Các khoản tương đương tiền	125.048.888.889	140.000.000.000
Cộng	<u>214.323.025.813</u>	<u>198.279.879.091</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng.

5.2. Phải thu của khách hàng

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/07/2016</u>
Ngắn hạn :		
Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại TP.HCM	67.581.054.726	61.409.491.723
Công ty TNHH Dịch vụ EB	10.400.346.001	5.691.284.799
Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV	15.224.721.991	11.965.590.523
Trong đó:		
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm Điều Hành Satrafoods</i>	13.851.081.834	11.597.759.289
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Trung Tâm Satra Phạm Hùng</i>	541.347.236	
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Siêu thị Satra Sài Gòn</i>	816.887.061	
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Thương xá Tax</i>	15.405.860	
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV – Trung tâm phân phối Satra</i>		367.831.234
Các khách hàng khác	67.489.704.638	61.856.467.213
Cộng	<u>160.695.827.356</u>	<u>140.922.834.258</u>
Dài hạn :		
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà tôi	178.182.957	178.182.957
Cửa hàng thực phẩm và đồ uống Express	213.295.508	243.243.508
Các khách hàng khác	327.012.395	327.012.395
Cộng	<u>718.490.860</u>	<u>748.438.860</u>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8:

Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn

- TNHH MTV

15.224.721.991

11.965.590.523

(bao gồm: Chi nhánh Satra Phạm Hùng, Siêu thị Sài Gòn, Trung tâm điều hành Satrafoods,
Thương xá Tax)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.3. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn :				
Thu người lao động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.660.480.040		7.651.293	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai khấu trừ			293.939.480	-
Tạm ứng	1.274.422.152		1.464.291.214	-
Ký cược, ký quỹ	380.000.000		620.200.000	-
Phải thu về cổ phần hóa	2.415.291.837		2.295.491.837	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	365.288.273		398.152.777	-
Phải thu khác Tổng Cty TM Sài Gòn-TNHH MTV	499.424.947		499.424.947	-
Phải thu khác	1.635.591.963		2.216.947.836	-
Cộng	8.230.499.212	-	7.796.099.384	-
Dài hạn :				
Ký cược, ký quỹ	951.500.000		660.500.000	-
Phải thu khác	525.178.682		525.178.682	-
Cộng	1.476.678.682	-	1.185.678.682	-

5.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	3.889.759.396		3.117.503.126	
Nguyên liệu, vật liệu	80.487.412.716		73.819.785.535	
Công cụ, dụng cụ	40.868.144.479		37.481.238.499	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.242.232.590		5.874.809.188	
Thành phẩm	311.048.314.389		208.295.359.021	
Hàng hóa	11.760.618.008		9.181.265.828	
Hàng gửi bán	112.635.073		2.327.823.619	
Cộng	455.409.116.651	-	340.097.784.816	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/07/2016	114.321.996.133	174.089.780.505	53.091.193.969	16.992.049.034	358.495.019.641
Mua trong kỳ		716.483.000	6.416.996.778	337.483.000	7.470.962.778
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.094.482.728	3.455.509.091		1.207.545.456	5.757.537.275
Giảm khác					-
Tại ngày 31/12/2016	115.416.478.861	178.261.772.596	59.508.190.747	18.537.077.490	371.723.519.694
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/07/2016	16.328.599.441	101.094.942.872	33.419.048.877	10.889.085.602	161.731.676.792
Khấu hao trong kỳ	3.022.953.540	7.887.397.703	2.507.163.119	1.033.615.503	14.451.129.865
Giảm khác					-
Tại ngày 31/12/2016	19.351.552.981	108.982.340.575	35.926.211.996	11.922.701.105	176.182.806.657
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/07/2016	97.993.396.692	72.994.837.633	19.672.145.092	6.102.963.432	196.763.342.849
Tại ngày 31/12/2016	96.064.925.880	69.279.432.021	23.581.978.751	6.614.376.385	195.540.713.037

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2016 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 32.388.965.635 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/07/2016	273.611.911.433	3.275.500.000	276.887.411.433
Mua trong kỳ			-
Đầu tư XDCB hoàn thành			-
Giảm khác			-
Tại ngày 31/12/2016	273.611.911.433	3.275.500.000	276.887.411.433
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/07/2016	5.197.456.103	699.291.712	5.896.747.815
Khấu hao trong kỳ	3.746.822.370	304.940.484	4.051.762.854
Giảm khác			-
Tại ngày 31/12/2016	8.944.278.473	1.004.232.196	9.948.510.669
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/07/2016	268.414.455.330	2.576.208.288	270.990.663.618
Tại ngày 31/12/2016	264.667.632.960	2.271.267.804	266.938.900.764

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2016 của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.041.914.881 VND.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 38.500.000 VND.

Đối với quyền sử dụng 35.029 m² đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo với nguyên giá là 37.935.356.130 VND và thời hạn thuê đến ngày 16/08/2050, được Công ty thuê lại từ Công ty Cổ phần KCN Tân Tạo - TP. Hồ Chí Minh ngày 06 tháng 05 năm 2003 theo hợp đồng thuê lại đất số 253/HĐ-TLĐ/KD-03, nhưng đến nay Công ty vẫn chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.7. Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/07/2016</u>
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Chi phí xây dựng dự án Di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan	8.387.417.431	7.229.901.326
Chi phí triển khai phần mềm quản lý bán hàng	8.978.471.849	8.978.471.849
Chi phí nhập heo giống Mỹ	8.302.025.432	
Lắp đặt phòng đệm kho 50 tấn	176.909.091	
Chi phí khác	177.225.746	135.580.292
Cộng	<u>26.022.049.549</u>	<u>16.343.953.467</u>

5.8. Chi phí trả trước

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/07/2016</u>
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ	1.325.916.234	1.487.811.276
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	1.112.014.367	1.742.208.425
Khác	1.115.309.004	1.005.581.573
Cộng	<u>3.553.239.605</u>	<u>4.235.601.274</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.850.093.868	5.017.749.200
Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng ở Khu Công nghiệp Tiên Sơn Bắc Ninh	1.904.854.038	1.933.789.746
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	1.637.279.246	1.777.713.062
Lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp	147.869.438.732	177.443.326.474
Khác	3.285.970.120	2.920.568.038
Cộng	<u>158.547.636.004</u>	<u>189.093.146.520</u>

5.9. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>			<u>Tại ngày 01/07/2016</u>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng						
TMCP						
Sài Gòn Công						
Thương	5.512.670.000		4.832.567.833	5.512.670.000		4.832.567.833
Cộng	<u>5.512.670.000</u>	-	<u>4.832.567.833</u>	<u>5.512.670.000</u>	-	<u>4.832.567.833</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.10. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	60.776.503.652	60.776.503.652	77.391.279.432	77.391.279.432
Trong đó				
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV CN Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV- Trung tâm phân phối Satra	57.274.014.697	57.274.014.697	77.391.279.432	77.391.279.432
CN Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV- Kho lạnh Satra	3.149.191.386	3.149.191.386		-
Phải trả cho các đối tượng khác	82.244.093.349	82.244.093.349	67.574.363.849	67.574.363.849
Cộng	143.020.597.001	143.020.597.001	144.965.643.281	144.965.643.281
Các khoản phải trả người bán dài hạn:				
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Tạo	1.710.791.743	1.710.791.743	1.710.791.743	1.710.791.743
Phải trả cho các đối tượng khác	75.504.400	75.504.400	75.504.400	75.504.400
Cộng	1.786.296.143	1.786.296.143	1.786.296.143	1.786.296.143

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8 :

Tổng Công ty thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	60.776.503.652	60.776.503.652	77.391.279.432	77.391.279.432
--	----------------	----------------	----------------	----------------

(bao gồm: Chi nhánh Tổng Công ty Trung tâm phân phối Satra, Kho lạnh Satra)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.11. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/07/2016		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng		8.394.049.297	60.157.260.974	55.179.859.324	-	13.371.450.947
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu			1.626.917.715	1.626.917.715	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	21.357.398		183.558.042	162.200.644	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		8.154.391.305	14.434.075.916	16.693.841.371	-	5.894.625.850
Thuế thu nhập cá nhân	396.704.778	6.753.452	567.682.257	23.122.150		154.608.781
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		21.795.928.881	938.477.278	4.992.080.936	-	17.742.325.223
Thuế đất phi nông nghiệp		356.087.589	12.341.216	121.060.702	-	247.368.103
Thuế môn bài					-	-
Các loại thuế khác		15.000.000	347.391.770	362.391.770	-	-
Cộng	418.062.176	38.722.210.524	78.267.705.168	79.161.474.612	-	37.410.378.904

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.12. Phải trả người lao động**

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/07/2016</u>
Phải trả người lao động	56.303.359.144	46.604.026.764
Phải trả người lao động (người quản lý)	1.238.176.008	303.563.008
Phải trả người lao động (quản lý dự án)	91.040.000	93.883.350
Phải trả người lao động (thủ lao)	293.092.576	131.492.576
Phải trả người lao động (Tiền cơm)	1.054.181.537	132.650.000
Cộng	<u>58.979.849.265</u>	<u>47.265.615.698</u>

5.13. Phải trả khác

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/07/2016</u>
Ngắn hạn:		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Đoàn phí, Kinh phí công đoàn	2.477.144.931	1.214.951.938
Phải trả về cổ phần hóa	4.560.037.991	4.560.037.991
Phải trả Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH Một thành viên - Xem thêm mục 8	39.851.396.623	65.697.756.118
Phải trả các khoản chiết khấu bán hàng cho khách hàng	11.884.813.331	8.252.040.238
Phải trả khoản hỗ trợ bán hàng cho các đại lý của Công ty	5.945.934.223	9.438.921.528
Chi phí vận chuyển	78.104.000	188.243.890
Tiền cơm		960.261.316
Nhận ký cược, ký quỹ	209.545.295	108.120.917
Lãi vay	167.049.320	
Phải trả khác	8.997.421.144	7.261.777.698
Cộng	<u>74.171.446.858</u>	<u>97.682.111.634</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.14. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Trong kỳ		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	201.748.320.716	201.748.320.716	443.621.815.667	338.500.794.865	96.627.299.914	96.627.299.914
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</i>	101.780.625.500	101.780.625.500	318.879.062.301	313.725.736.715	96.627.299.914	96.627.299.914
<i>Thương Việt Nam</i>	99.967.695.216	99.967.695.216	124.742.753.366	24.775.058.150		-
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TNHH CTBC	6.936.099.088	6.936.099.088		6.936.099.091	13.872.198.179	13.872.198.179
Cộng	208.684.419.804	208.684.419.804	443.621.815.667	345.436.893.956	110.499.498.093	110.499.498.093
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	18.352.941.176	18.352.941.176		2.823.529.412	21.176.470.588	21.176.470.588
Cộng	18.352.941.176	18.352.941.176	-	2.823.529.412	21.176.470.588	21.176.470.588

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN

Địa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0272/KH/15NH ngày 07 tháng 01 năm 2016, theo hạn mức tín dụng là 220 tỷ. Hiệu lực từ 07/01/2016 đến hết 30/09/2016+BB xác nhận và tiếp nhận nợ vay ngày 01/08/2016 và thỏa thuận việc kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên vay (do chuyển từ Cty TNHH qua Cty Cổ phần). Hợp đồng số 0096/KHDN2/16NH ký ngày 17/11/2016 hạn mức 220 tỷ, có hiệu lực đến hết ngày 30/09/2017 với lãi suất được điều chỉnh theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 15.68.0028-HỆTDHM/NHCT[924]-[VISSAN] ngày 20/10/2015 hạn mức 44 tỷ đồng hiệu lực từ 20/10/2015 đến hết 01/10/2016+Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 15.68.0028-HỆTDHM-SĐBS01/NHCT[924]-[VISSAN] (do chuyển từ Cty TNHH qua Cty Cổ phần). Hợp đồng số 1012/2016-HỆTDHM/NHCT924-VISSAN ký ngày 31/10/2016 hạn mức 100 tỷ thời gian đến hết ngày 01/10/2017, với lãi suất được điều chỉnh theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Vay Ngân hàng TNHH CTBC - CN Hồ Chí Minh (Chuyển từ trung dài hạn qua ngắn hạn) là khoản vay theo Thư cho vay số STVN732/MTVN739-14 ngày 19 tháng 03 năm 2014 và thỏa thuận sửa đổi Thư Cho Vay số AC1-STVN732/MTVN739-14 ngày 05 tháng 09 năm 2014 + AC2-STVN732/MTVN739-14 ngày 24 tháng 10 năm 2014 + AC3-STVN732/MTVN739-14 ngày 09 tháng 02 năm 2015 + AC4-STVN732/MTVN739-14 ngày 14 tháng 04 năm 2015 + AC5-STVN732/MTVN739-14 ngày 23 tháng 12 năm 2015 với hạn mức 1.663.814,41 USD hoặc tương đương 35 tỷ Việt Nam đồng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ máy móc thiết bị được tài trợ bởi khoản tín dụng này và quyền sử dụng đất theo hợp đồng thuê đất tại xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh (Dự án Hà Nội).

Vay Trung - dài hạn

Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số BC_HDĐT/VISSAN/LT/201412 ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo hạn mức tín dụng là 24 tỷ. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ đất đai, nhà xưởng và máy móc thiết bị Dự án chuyển nhượng quyền sử dụng đất với DNTN Song Hà theo hợp đồng chuyển nhượng số 107/HĐ-CNQSDĐ ngày 20 tháng 11 năm 2014 và số Hợp đồng công chứng 363.2015; quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/05/2015 tại Thôn Nam Hà, xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/07/2016
Quỹ khen thưởng	22.615.759.860	12.748.888.022
Quỹ phúc lợi	13.191.590.984	16.399.813.504
Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	231.493.793	384.073.793
Cộng	36.038.844.637	29.532.775.319

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.16. Vốn chủ sở hữu****5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Tổng cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	
Tại ngày 01/07/2016	809.143.000.000					63.485.516.484	872.628.516.484
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu				19.045.654.945		(19.045.654.945)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi						(25.831.000.000)	(25.831.000.000)
Điều chuyển vốn về Tổng Cty TM Sài Gòn-TNHH MTV				(19.045.654.945)		(18.608.861.539)	(37.654.516.484)
Lãi trong kỳ						55.695.952.017	55.695.952.017
Tại ngày 31/12/2016	809.143.000.000	-	-	-	-	55.695.952.017	864.838.952.017

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH MTV	548.298.780.000	67,76	548.298.780.000	67,76
Công ty CP Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc tế (ANCO)	201.800.260.000	24,94	113.280.020.000	14,00
Vốn góp của các cổ đông khác	59.043.960.000	7,30	147.564.200.000	18,24
Cộng	809.143.000.000	100,00	809.143.000.000	100,00

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/07/2016
USD	279.915,93	177.586,00
EUR	802,93	802,87

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 4		Lũy kế từ 01/07 đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Doanh thu bán hàng	948.704.235.112	1.078.917.410.179	1.845.132.894.407

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4		Lũy kế từ 01/07 đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Chiết khấu thương mại	4.322.616.705	1.769.771.303	5.997.150.662
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại	84.812.321	152.746.153	278.777.631	591.980.912
Cộng	4.407.429.026	1.922.517.456	6.275.928.293	2.799.377.584

6.3. Giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Quý 4		Lũy kế từ 01/07 đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Giá vốn hàng bán	721.773.719.797	868.801.438.026	1.434.600.598.370

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4		Lũy kế từ 01/07 đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Lãi tiền gửi ngân hàng Cô tức, lợi nhuận được chia	1.949.237.682	4.464.904.410	3.370.514.599
Lãi chênh lệch tỷ giá	150.576.300	7.598.578	154.522.163	137.974.902
Doanh thu hoạt động tài chính khác	60.010.602	60.000.000	120.010.602	120.000.000
Cộng	2.159.824.584	4.532.502.988	3.645.047.364	10.658.457.344

6.5. Chi phí tài chính

	Quý 4		Lũy kế từ 01/07 đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Lãi tiền vay	2.994.110.068	3.604.300.242	4.663.246.590
Chiết khấu thanh toán	1.327.808.527	1.742.910.720	2.777.428.824	3.476.066.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.295.738	30.565.255	25.624.040	39.331.920
Chi phí tài chính khác	-	-	-	2.964.000
Cộng	4.340.214.333	5.377.776.217	7.466.299.454	8.963.463.404

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6.6. Chi phí bán hàng**

	Quý 4		Lũy kế từ 01/07 đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	40.568.912.415	36.405.650.783	93.105.692.383	70.935.224.016
Chi phí vật liệu, bao bì	6.684.249.219	3.651.070.598	9.876.993.936	6.854.435.892
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.775.570.180	4.225.003.191	6.272.105.298	8.639.604.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.389.061.924	1.008.359.453	2.933.634.654	2.059.536.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.612.585.503	21.237.915.764	36.777.676.270	33.292.050.872
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>9.367.674.772</i>	<i>7.936.367.112</i>	<i>14.895.474.363</i>	<i>12.127.858.177</i>
<i>Chi phí thuê kho, thuê mặt bằng</i>	<i>7.117.469.496</i>	<i>7.621.847.808</i>	<i>12.052.935.644</i>	<i>11.439.127.264</i>
<i>Các chi phí khác</i>	<i>6.127.441.235</i>	<i>5.679.700.844</i>	<i>9.829.266.263</i>	<i>9.725.065.431</i>
Chi phí băng tiền khác	37.315.548.369	47.301.969.828	56.666.816.685	82.414.443.020
<i>Chi phí chiết khấu, hỗ trợ bán hàng</i>	<i>24.846.376.647</i>	<i>29.009.232.435</i>	<i>34.462.409.521</i>	<i>51.766.526.764</i>
<i>Các chi phí khác</i>	<i>12.469.171.722</i>	<i>18.292.737.393</i>	<i>22.204.407.164</i>	<i>30.647.916.256</i>
Cộng	110.345.927.610	113.829.969.617	205.632.919.226	204.195.294.939

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 4		Lũy kế từ 01/07 đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.534.729.885	17.381.885.603	41.620.294.393	71.126.822.075
Chi phí vật liệu quản lý	666.476.488	768.380.296	1.266.978.162	1.438.989.789
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.466.634.326	2.316.477.177	3.021.959.849	3.688.044.147
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.556.564.923	601.810.294	5.278.557.368	1.209.380.229
Thuế, phí và lệ phí	1.843.781.806	24.163.953.901	3.115.062.225	30.443.717.582
Chi phí dự phòng	823.428.610		823.428.610	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.415.385.100	2.663.423.952	22.971.548.181	4.749.554.015
<i>Chi phí thuê mặt bằng cửa hàng trạm</i>	<i>8.954.505.372</i>	<i>43.200.000</i>	<i>17.870.372.926</i>	<i>86.400.000</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>2.460.879.728</i>	<i>2.620.223.952</i>	<i>5.101.175.255</i>	<i>4.663.154.015</i>
Chi phí bằng tiền khác	40.708.268.962	17.693.970.484	48.064.002.460	26.712.623.993
<i>Trích lập Quỹ khoa học công nghệ</i>		<i>5.500.000.000</i>		<i>7.750.000.000</i>
<i>Chi phí lợi thế thương mại</i>	<i>25.113.191.733</i>		<i>29.549.274.897</i>	
<i>Các chi phí khác</i>	<i>15.595.077.229</i>	<i>12.193.970.484</i>	<i>18.514.727.563</i>	<i>18.962.623.993</i>
Cộng	79.015.270.100	65.589.901.707	126.161.831.248	139.369.131.830

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6.8. Thu nhập khác**

	Quý 4		Lũy kế từ 01/07 đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(576.219.562)		
Thu tiền phế liệu	303.272.637	365.021.911	604.287.546	734.391.909
Cửa hàng hưởng khuyến mãi, chiết khấu bán hàng	213.108.595	422.013.906	367.211.510	834.324.240
Thu nhập khác	298.682.438	765.591.625	826.331.714	453.668.285
Cộng	815.063.670	976.407.880	1.797.830.770	2.022.384.434

6.9. Chi phí khác

	Quý 4		Lũy kế từ 01/07 đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thanh lý công cụ, dụng cụ		(446.219.562)		(446.774.450)
Phạt hành chính	5.412.890	400.785.658	12.119.282	711.162.133
Chi phí thu gom phế liệu	180.746.310	213.260.975	274.653.216	377.967.075
Chi phí khác	183.059.422	335.257.555	346.035.558	806.091.019
Cộng	369.218.622	503.084.626	632.808.056	1.448.445.777

6.10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	14.109.435.877	16.514.179.929
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	14.109.435.877	16.514.179.929

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	69.805.387.894	73.383.716.252
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	975.540.582	6.414.442.184
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	27.929.308	1.531.634.120
Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	70.752.999.168	78.266.524.316
Trừ : Khoản hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ chịu thuế suất 22%		14.450.000.000
Các khoản thu nhập chịu thuế suất 15%	823.279.117	589.539.705
Thu nhập chịu thuế suất 20%	69.929.720.051	63.226.984.611
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN trong kỳ (thuế suất 20%)	13.985.944.010	12.645.396.922
Chi phí thuế TNDN trong kỳ (thuế suất 15%)	123.491.867	88.430.956
Chi phí thuế TNDN trong kỳ (thuế suất 22%)		3.179.000.000
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước		601.352.051
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	14.109.435.877	16.514.179.929

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Các khoản tiền phạt hành chính về thuế.
- Thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.173.032.610.751	1.142.379.194.496
Chi phí nhân công	213.871.403.614	231.935.981.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.502.892.719	9.684.713.726
Chi phí dự phòng	823.428.610	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.623.109.036	80.122.081.161
Chi phí bằng tiền khác	141.780.194.077	87.840.691.659
Cộng	1.638.633.638.807	1.551.962.662.764

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	443.621.815.667	366.848.309.495

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	348.260.423.368	343.328.897.212

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH Một thành viên	Nhà đầu tư
2. Ông Văn Đức Mười	Tổng Giám đốc
3. Hội đồng quản trị và Ban điều hành	Người quản lý

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀNĐịa chỉ: Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại 31/12/2016</u>	<u>Tại 01/07/2016</u>
Phải thu :		
Tổng Công ty TM Sài Gòn -TNHH MTV		
- Xem thêm mục 5.2 và 5.3	15.724.146.938	12.097.184.236
Phải trả :		
Tổng Công ty TM Sài Gòn -TNHH MTV		
- Xem thêm mục 5.10 và 5.13	97.553.308.907	143.450.766.192

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015</u>
Mua hàng	419.849.659.476	375.532.233.464
Bán hàng	81.364.802.079	222.764.717.074

- Thu nhập Viên chức quản lý và thù lao Hội đồng thành viên:

	<u>Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015</u>
Thu nhập Người quản lý	1.398.187.000	987.774.000
Thù lao Hội đồng quản trị và kiểm soát	148.000.000	236.436.000
Thưởng Ban Điều Hành	237.330.000	254.000.000
Cộng	<u>1.783.517.000</u>	<u>1.478.210.000</u>

9. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 01 năm 2017.


ĐỖ THỊ THU THỦY

Người lập


HUỲNH QUANG GIÀU

Kế toán trưởng

**VĂN ĐỨC MƯỜI**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2017